

*Ninh Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2011*

Số: /BC-NBTPC

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN** **Năm 2010**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

Tên giao dịch quốc tế: **Ninh Bình Thermal Power Joint-Stock Company**

Tên viết tắt: **NBTPC**

Mã chứng khoán: **NBP**

Địa chỉ: 01A - Đường Hoàng Diệu - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 030.2210.532; Fax: 030.3873.762

Website: <http://www.nbtpc.com.vn>

Năm báo cáo: 2010

### **I. Tóm lược lịch sử hoạt động của Công ty**

#### **1. Những sự kiện quan trọng**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tiền thân là Nhà máy Điện Ninh Bình (trực thuộc Công ty Điện lực miền Bắc trước đây) được thành lập theo Quyết định số 119/ĐT-NCQLKT ngày 17/01/1974 của Bộ trưởng Bộ Điện và Than.

Theo Quyết định số 113.NL/TCCB-LĐ ngày 04/03/1995 của Bộ Năng lượng, Nhà máy Điện Ninh Bình là đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995. Ngày 30/03/2005, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 13/2005/QĐ-BCN-TCCB chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Nhiệt điện Ninh Bình, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Ngày 29/12/2006, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 3954/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Thực hiện Quyết định này, Công ty Nhiệt điện Ninh Bình đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức hoạt động của công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được tiến hành. Đại hội cổ đông nhất trí thực hiện đăng ký niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện chủ trương và thời điểm niêm yết.

## CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

Năm	Sự kiện
17/1/1974	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình theo quyết định của Bộ Điện và Than. Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Công ty Điện lực Miền Bắc.
5/1974	Tổ Lò-Máy số 1 được đưa vào vận hành
12/1974	Tổ Lò-Máy số 2 được đưa vào vận hành
5/1975	Tổ Lò-Máy số 3 được đưa vào vận hành
3/1976	Tổ Lò-Máy số 4 được đưa vào vận hành
4/3/1995	Bộ Năng lượng có quyết định số 113 v/v chuyển Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
30/3/2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Nhiệt điện Ninh Bình hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
29/12/2006	Bộ Công nghiệp có quyết định số 3945/2006 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
11/12/2007	Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
31/12/2007	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
22/7/2009	Sở GDCK Hà Nội đã ban hành Quyết định số 422/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận cho CTCP Nhiệt điện Ninh Bình được niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội.
06/8/2009	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được chính thức giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội.

### 2. Quá trình phát triển

#### + Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất điện năng,
- Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng,
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện,
- Lắp đặt hệ thống điện (đường dây và trạm biến áp),
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác,
- Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện,
- Kinh doanh bất động sản,

- Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng; tư vấn, giám sát thi công lắp đặt công trình,
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện.

#### + **Tình hình hoạt động**

Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thực hiện hoạt động theo mô hình cổ phần chính thức từ ngày 01/01/2008 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trước đó, Công ty hoạt động theo mô hình công ty thành viên hạch toán độc lập, thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 09-06-000.004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 10/5/2005.

### **3. Định hướng phát triển**

#### + **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Đảm bảo sản xuất an toàn liên tục và kinh tế, cung cấp điện ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 650 triệu kWh trở lên, doanh thu từ sản xuất điện đạt từ 450 tỷ đồng trở lên.

- Đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức tối thiểu đạt từ 10% /năm trở lên, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

#### + **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Quản lý hiệu quả dự án xây dựng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình do Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao làm Tư vấn quản lý dự án.

- Hoàn thiện và đưa vào khai thác dự án Xưởng tuyển tro xỉ do Công ty đầu tư.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

Năm 2010 là năm thứ ba Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Năm 2010 cũng là năm Công ty gặp nhiều bất lợi do vẫn còn ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao, giá cả vật tư, nhiên liệu biến động theo chiều hướng tăng làm tác động không nhỏ tới yếu tố đầu vào của sản xuất.

Bên cạnh việc tập trung quan tâm chỉ đạo nâng cao hơn nữa chất lượng sửa chữa thiết bị, nhất là sự phối kết hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong công ty theo mô hình sản xuất của Công ty cổ phần, đảm bảo sản xuất an toàn, kinh tế, hiệu quả, Công ty cũng tập trung nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định liên quan đến người lao động. Nhìn chung các Quy chế và văn bản mới ban hành đã bám sát thực tế, giúp cho HĐQT giám sát và kiểm tra việc thực hiện của Ban điều hành và tạo điều kiện để Ban điều hành chủ động hơn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, nhất là về các mặt quản lý của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công

ty trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể tập thể người lao động trong Công ty dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, BCH Đảng ủy và sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, chủ động khắc phục các khó khăn, duy trì vận hành ổn định thiết bị, sản xuất an toàn liên tục, phát sản lượng cao và làm tăng doanh thu đáng kể. Năm 2010 tiếp tục là năm hoạt động có hiệu quả của Công ty. Kết thúc năm 2010, các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội cổ đông năm 2010 đề ra và có sự điều chỉnh của HĐQT đã hoàn thành vượt mức cao so với nghị quyết của Đại hội như: sản lượng điện phát đạt = **101** %; Năng suất lao động đạt = **116,7**%; Lợi nhuận trước thuế cao hơn năm 2009 là **29** %. Hoàn thành vượt mức nghĩa vụ nộp thuế với địa phương.

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

### KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG SXKD NĂM 2010

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Chỉ tiêu KH do Đại hội cổ đông đề ra	Kế hoạch năm 2010 (đã điều chỉnh)	Thực hiện năm 2010	So sánh TH/KH (%)
1	Sản lượng điện phát	Tr. kWh	690,0	755,00	763,05	101,1
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	614,1	675,73	687,25	101,7
3	Tổng chi phí SXKD	Tr. đồng	537.124,2	532.215,6	528.158,1	99,2
4	Tổng doanh thu SXKD	Tr. đồng	558.839,3	617.916,5	625.387,5	101,2
5	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Tr. đồng	21.715,1	85.700,9	97.229,3	113,5
6	Thuế TNDN 25%*LNTT	Tr. đồng	5.428,8	21.425,2	24.319,9	113,5
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	16.286,4	64.275,7	72.909,5	113,4
8	Cổ tức	Tr. đồng	( 10%) 12.865,5	(25%) 32.163,8	(25%) 32.163,8	100,0
9	Lợi nhuận còn lại sau trả cổ tức	Tr. đồng	3.420,9	32.111,9	40.745,7	126,9

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Trong năm 2010, Công ty giữ ổn định về mô hình sản xuất và tập trung đầu tư vào sửa chữa lớn nhằm khai thác thiết bị với hiệu suất cao, tăng doanh thu. Xuất phát từ tình hình thực tế của công tác điều hành SXKD và chuẩn bị nhân sự lâu dài, theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã triển khai các thủ tục theo quy trình và tiến hành bổ nhiệm được thêm một Phó Tổng Giám đốc, ba Phó trưởng phòng và Phó quản đốc, đồng thời bổ nhiệm lại chức vụ cho 24 thành viên từ Ban Tổng Giám đốc đến Trưởng, Phó của các đơn vị.

Thực hiện Nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2010, HĐQT và Ban điều hành đã triển các khai thủ tục và các bước về **Dự án đầu tư xây dựng xưởng tuyển tro xỉ công suất 20.000 tấn/năm**. Sản phẩm chính là: **Than tuyển, Tro tuyển và Xi don**. Mục tiêu của Dự án: Giảm ô nhiễm môi trường; tận dụng nguồn tro xỉ thải ra từ sau quá trình sản xuất điện để tạo ra sản phẩm than đốt và nguyên liệu phụ gia của các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (theo kế hoạch đầu Quý IV/2011 sẽ đi vào hoạt động). Việc tiêu thụ sản phẩm này sẽ đem lại

một nguồn thu không nhỏ cho Công ty. Doanh thu khoảng từ 6 đến 7 tỷ đồng/năm, lợi nhuận từ 1 đến 1,5 tỷ đồng/năm. Mặt khác đây cũng là bước đầu thí điểm cho việc sử dụng Tro xỉ của dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình sau này.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Tiếp tục duy trì đảm bảo sản xuất an toàn, kinh tế, hiệu quả. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học mới vào sản xuất để khai thác có hiệu quả, nâng cao hiệu suất các tổ Lò - Máy. Tiếp tục thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình với EVN. Khai thác có hiệu quả Xưởng tuyển tro xỉ sau khi đi vào hoạt động. Tìm các cơ hội đầu tư mới trong các lĩnh vực khác.

### **III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010**

- **Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán** (xem chi tiết tại bảng: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2010).

#### **- Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010**

+ Về tình hình Doanh thu và thu nhập khác:

Năm 2010 tổng doanh thu của Công ty đạt hơn 625,387 tỷ đồng, tăng hơn so với năm 2009 là 106,8 tỷ đồng. Trong đó doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 104,8 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do giá than năm 2010 tăng làm cho giá bán điện tăng lên. Mặt khác sản lượng điện thương phẩm năm 2010 cũng tăng hơn so với năm 2009 là 8,2 triệu kwh cũng làm cho doanh thu tăng lên.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.452,8 triệu đồng là do lãi suất từ tiền gửi tiết kiệm trong năm (lượng tiền nhàn rỗi của Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn).

Từ các yếu tố trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng hơn so với năm trước là 21,86 tỷ đồng.

+ Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ về quản lý và bảo toàn vốn kinh doanh, thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất, vì vậy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty được nâng cao, lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 49%.

+ Khả năng thanh toán nợ nói chung và nợ đến hạn: Công ty đảm bảo đủ vốn thanh toán các khoản nợ đến hạn đối với các khách hàng, không có nợ quá hạn.

+ Tình hình phân phối lợi nhuận của Công ty: Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt kèm theo Quyết định số 296.2/NBTPC-HĐQT ngày 05/11/2008 của Hội đồng quản trị Công ty.

Tình hình chia cổ tức: Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2010 là 25% so với mệnh giá. Tỷ lệ chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

+ Công ty chấp hành đầy đủ các chính sách, chế độ và pháp luật của Nhà nước các quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam và điều lệ, quy chế của Công ty quy định.

**- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>V. Kết quả kinh doanh</b>			
1. Tổng doanh thu		625.387,5	518.519
- Doanh thu thuần về BH và CCDV	10-BCKQKD	613.859,7	509.004
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	4.171,8	2.719
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	7.355,8	6.795
2. Tổng chi phí		528.158,1	443.149
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	97.229,3	75.369
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	72.909,5	56.584
<b>VI. Các chỉ tiêu khác</b>			
1. Tổng số phát sinh phải nộp NS		45.684,9	54.213
<i>Trong đó : Các loại thuế</i>		45.684,9	54.190
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu		49%	42,25%
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		44,28%	45,24%
4. Tổng quỹ lương		67.244	57.084
5. Số lao động bình quân ( người )		850	890
6. Tiền lương b.q đồng/người/tháng		6.592.000	5.345.000

**- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp.** (Không có sự thay đổi nào)

Vốn góp của cổ đông là 128.655.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần của công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số cổ phần của Công ty là 12.865.500 cổ phần.

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu ưu đãi. Cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Cổ tức: Tính đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã ứng trả cổ tức đợt 1 năm 2010 cho cổ đông là 10 % (so với mệnh giá) với tổng số tiền đã thực trả là 12,421/12,865 tỷ đồng.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010**

**KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG SXKD NĂM 2010**

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Kế hoạch năm 2010 (đã điều chỉnh)	Thực hiện năm 2010	So sánh TH/KH (%)
1	Sản lượng điện phát	Triệu kWh	755,00	763,05	101,1
2	Tỷ lệ điện tự dùng	%	10,50	9,93	94,6
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	675,73	687,25	101,7
4	Than tiêu chuẩn	g/kWh	574,75	571,61	99,5



5	Dầu đốt	g/kWh	0,30	0,263	89,1
6	Tổng chi phí SXKD. Trong đó:	Triệu đồng	532.215,6	528.158,1	99,2
6.1	- Chi phí SX Điện	Triệu đồng	518.368,6	513.886,4	99,1
6.2	- Chi phí khác	Triệu đồng	13.847,0	14.271,7	103,1
7	Tổng doanh thu SXKD. Trong đó:	Triệu đồng	617.916,5	625.387,5	101,2
7.1	- Doanh thu SX Điện	Triệu đồng	598.629,7	605.320,5	101,1
7.2	- Doanh thu khác	Triệu đồng	19.286,8	20.066,9	104,0
8	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Triệu đồng	85.700,9	97.229,3	113,5
9	Thuế TNDN 25%*LNTT	Triệu đồng	21.425,2	24.319,9	113,5
10	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	64.275,7	72.909,5	113,4
11	Cổ tức KH 25% - TH 25%.	Triệu đồng	32.163,8	32.163,8	100,0
12	Lợi nhuận còn lại sau trả cổ tức	Triệu đồng	32.111,9	40.745,7	126,9
13	Giá bán điện	đ/kWh	885,9	880,79	99,42

( Ghi chú : Cổ tức năm 2010 mới tạm thời chi trả đợt 1 là 10 % )

### 3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

+ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Mô hình tổ chức sản xuất gọn nhẹ, đồng bộ và phù hợp, việc sản xuất của Công ty đã dần hiệu quả hơn, bắt nhịp với cơ chế mới. Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ thuật cho người lao động để nâng cao tay nghề. Tiếp thu các sáng kiến và ý kiến đóng góp hợp lý của người lao động để áp dụng vào sản xuất và công tác quản lý của Công ty.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định mới phù hợp với mô hình sản xuất của công ty cổ phần.

- Ý thức chấp hành kỷ luật, trách nhiệm với công việc của người lao động được nâng lên rõ rệt, gắn bó với Công ty.

+ Các biện pháp kiểm soát

Tăng cường sự kiểm tra giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát trong việc việc bảo toàn và phát triển vốn, cũng như việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Sản xuất chính của Công ty hiện nay cũng như một số năm tiếp theo vẫn là sản xuất điện và sản phẩm là điện năng, ngoài ra còn có sản phẩm đất đèn và vật liệu xây dựng (gạch xếp cách nhiệt). Hiện nay Công ty đang triển khai đầu tư xây dựng Dự án Xưởng tuyển tro xỉ và sẽ đưa vào hoạt động khai thác trong Quý IV/2011.

### IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010 được lập theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Các chỉ tiêu tài chính cơ bản. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**A: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2010**

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ CUỐI KỲ	SỐ DƯ ĐẦU KỲ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>250.050.136.358</b>	<b>203.073.885.962</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	45.325.460.072	61.630.552.176
a	Tiền	35.325.460.072	21.630.552.176
b	Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	40.000.000.000
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.011.478.995	
3	Các khoản phải thu	137.671.513.716	91.433.427.892
4	Hàng tồn kho	56.636.157.137	49.585.714.910
5	Tài sản ngắn hạn khác	405.526.438	424.190.984
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>36.040.108.152</b>	<b>56.012.000.801</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	33.540.108.152	53.503.667.334
	- Tài sản cố định hữu hình	29.146.960.658	35.502.903.253
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.393.147.494	18.000.764.081
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
5	Tài sản dài hạn khác		8.333.467
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>286.090.244.510</b>	<b>259.085.886.763</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>87.810.814.623</b>	<b>80.704.230.549</b>
1	Nợ ngắn hạn	86.452.638.766	79.612.944.951
2	Nợ dài hạn	1.358.175.857	1.091.285.598
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>198.279.429.887</b>	<b>178.381.656.214</b>
1	Vốn chủ sở hữu	198.279.429.887	178.381.656.214
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.655.000.000	128.655.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu	4.965.761.868	1.831.011.427
	- Các quỹ đầu tư phát triển	26.127.406.056	2.899.337.981
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.589.598.140	39.700.115.495
	- Quỹ dự phòng tài chính	8.941.663.823	5.296.191.311
2	Nguồn kinh phí và các quỹ		
	Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	Nguồn kinh phí		
	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>286.090.244.510</b>	<b>259.085.886.763</b>

**B: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010**

STT	CHỈ TIÊU	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	509.004.508.451	613.859.747.365
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.004.508.451	613.859.747.365
4	Giá vốn hàng bán	410.306.356.188	490.953.849.467
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.698.152.263	122.905.897.898



6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.719.472.870	4.171.879.533
7	Chi phí tài chính	35.839.700	60.639.000
8	Chi phí bán hàng	434.465.975	472.460.450
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.110.313.928	30.737.323.951
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	73.837.005.530	95.807.354.030
11	Thu nhập khác	6.794.987.650	7.355.839.465
12	Chi phí khác	5.262.406.136	5.933.854.171
13	Lợi nhuận khác	1.532.581.514	1.421.985.294
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.369.587.044	97.229.339.324
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.785.396.761	24.319.889.086
16	LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.584.190.283	72.909.450.238
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.398	5.667

### C : BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	NĂM 2009	NĂM 2010
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			
1.	<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>75.369.587.044</b>	<b>97.229.339.324</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
	- Khấu hao tài sản cố định	02	35.130.053.816	7.858.838.411
	- Các khoản dự phòng	03	(821.933.426)	487.578.466
	- Lãi(lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(563.918.588)	226.912.801
	- Chi phí lãi vay	06	35.839.700	60.639.000
3.	<i>Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi của vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>109.149.628.546</b>	<b>105.863.308.002</b>
	- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(34.655.380.276)	(3.662.212.122)
	- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	586.136.363	(7.538.020.693)
	- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	(5.402.031.011)	11.107.854.508
	- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(23.119.695)	(89.179.987)
	- Lãi vay đã trả	13	(35.839.700)	(60.639.000)
	- Thuế TNDN đã nộp	14	(9.018.198.741)	(32.008.995.117)
	- Tiền thu khác từ hoạt động SXKD	15		
	- Tiền chi khác từ hoạt động SXKD	16	(59.563.538.717)	(51.276.173.929)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</i>	<b>20</b>	<b>1.037.656.769</b>	<b>22.335.941.662</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.830.599.244	2.643.109.984
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(33.169.400.756)</b>	<b>2.643.109.984</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	470.000.000	
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(180.000.000)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.428.358.400)	(11.104.143.750)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(3.958.358.400)</b>	<b>(11.284.143.750)</b>
<b>IV</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(36.090.102.387)</b>	<b>13.694.907.896</b>
<b>V</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>57.720.654.563</b>	<b>21.630.552.176</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>VI</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>21.630.552.176</b>	<b>45.325.460.072</b>

## D. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2010

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KỶ TRƯỚC	KỶ NÀY
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn /tổng tài sản	%	21,62	12,59
	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	78,38	87,41
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	31,15	30,69
	Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	68,85	69,31
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,27	0,52
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,55	2,89
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	21,84	25,48
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	11,12	11,88
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Nguồn vốn chủ sở hữu	%	31,72	36,77

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình do Công ty Tư vấn tài chính & Kiểm toán UHY thực hiện kiểm toán. Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình xin được giải trình như sau :

### BÁO CÁO GIẢI TRÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2010

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009	NĂM 2010	SỐ SÁNH
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 4-3</i>
<b>1</b>	<b>Điện sản xuất</b>	<b>tr.kwh</b>	<b>757,15</b>	<b>763,05</b>	<b>5,9</b>
<b>2</b>	<b>Điện thương phẩm</b>	<b>tr.kwh</b>	<b>679,05</b>	<b>687,25</b>	<b>8,2</b>
<b>3</b>	<b>Giá bán điện</b>	<b>Đ/kwh</b>	<b>733,69</b>	<b>880,79</b>	<b>147,1</b>
<b>4</b>	<b>Suất hao than thiên nhiên</b>	<b>g/kwh</b>	<b>739,68</b>	<b>571,61</b>	<b>-168,07</b>
<b>5</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>tr.®ang</b>	<b>518.518,97</b>	<b>625.387,46</b>	<b>106.868,56</b>
a	Doanh thu bán điện	nt	498.212,75	605.320,52	107.107,77
b	Thu hoạt động SX khác	nt	20.306,22	20.066,94	-239,28
<b>6</b>	<b>Tổng chi phí SX KD</b>	<b>tr.®ang</b>	<b>443.149,38</b>	<b>528.158,13</b>	<b>85.008,75</b>
a	Chi phí SX KD điện	nt	427.424,20	513.886,39	86.462,19
	T/đó: 1. Nhiên liệu	nt	278.229,63	367.665,36	89.435,73
	2. Chi phí khác còn lại	nt	149.194,57	146.221,03	- 2.973,54
b	Chi phí SX KD khác	<b>tr.®ang</b>	15.725,19	14.271,74	-1.453,45
<b>7</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>nt</b>	<b>75.369,59</b>	<b>97.229,34</b>	<b>21.859,75</b>
a	SX điện	nt	70.788,56	91.434,12	20.645,56
b	SX kinh doanh khác	nt	4.581,03	5.795,22	1.214,19

	T/đó: hoạt động tài chính	nt	2.683,63	4.111,24	1.427,61
<b>8</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	nt	<b>18.785,39</b>	<b>24.319,89</b>	<b>5.534,5</b>
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	nt	<b>56.584,19</b>	<b>72.909,45</b>	<b>16.325.26</b>

Lợi nhuận trước thuế năm 2010 tăng hơn so với năm 2009 là 21.859,75 triệu đồng, bằng 29 %, là do các yếu tố sau :

**Hoạt động sản xuất kinh doanh điện :**

\* Các yếu tố làm **Tăng**:

Do giá bán điện năm 2010 tăng 147,1 đ/kwh so với năm 2009, làm cho lợi nhuận trước thuế tăng 101.094,475 triệu đồng (687,25 triệu kwh x 147,1 đ/kwh).

Do sản lượng điện thương phẩm năm 2010 tăng hơn so với năm 2009 là 8,2 triệu kwh nên đã làm lợi nhuận tăng là 6.016,25 triệu (lấy sản lượng tăng thêm nhân giá bán năm 2009: 8,2 triệu kwh x 733,69 đ/kwh).

Do khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và các chi phí khác trong năm 2010 giảm làm cho lợi nhuận tăng 2.973,54 triệu.

\* Các yếu tố làm **Giảm**:

Giá nhiên liệu (than, dầu) năm 2010 tăng hơn so với năm 2009 làm cho chi phí nhiên liệu tăng, dẫn đến lợi nhuận năm 2010 giảm 89.435,73 triệu đồng.

- Tổng hợp các yếu tố trên (các yếu tố làm **Tăng** trừ đi các yếu tố làm **Giảm**), lợi nhuận SXKD điện năm 2010 tăng so với năm 2009 là **20.645,56** triệu đồng.

**Hoạt động sản xuất kinh doanh khác:**

Nguồn thu từ sản xuất kinh doanh khác năm 2010 so với năm 2009 tăng 1.214,19 triệu đồng là do lãi từ đầu tư tài chính (40 tỷ đồng đầu tư tài chính dưới hình thức gửi tiết kiệm có kỳ hạn) và từ các hoạt động sản xuất khác (sản xuất đất đèn, vật liệu bảo ôn...).

- **Ý kiến kiểm toán độc lập:** “Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam”.

**2. Kiểm toán nội bộ:** Không.

**Ý kiến của Ban kiểm soát Công ty:**

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra sổ sách kế toán, báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 của Công ty. Ban kiểm soát nhận thấy: “Tình hình tài chính của Công ty năm 2010 là lành mạnh, chứng từ, sổ sách của Công ty hạch toán đầy đủ, báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý

có liên quan tại Việt Nam. Ban kiểm soát không phát hiện thấy trường hợp bất thường nào từ hoạt động tài chính của Công ty”.

## **VI. Các Công ty có liên quan**

- Đến thời điểm 31/12/2010, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là đại diện Nhà nước nắm giữ 54,76 % vốn cổ phần tại Công ty.

- Hiện tại Công ty không nắm giữ trên 50% vốn cổ phần (hoặc vốn góp) tại bất kỳ công ty nào.

- Công ty tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc với số tiền là 2,5 tỷ đồng.

## **VII. Tổ chức và nhân sự**

### **1. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

Công ty hiện có 13 đơn vị gồm các phòng nghiệp vụ và các phân xưởng, được chia làm 03 khối (xem sơ đồ tổ chức Công ty).

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là 896 người, trong đó:

Lãnh đạo Công ty: 05 người

Cán bộ đoàn thể: 02 người

#### ***Về lao động:***

Lao động trực tiếp: 735 người

Lao động gián tiếp: 123 người

Lao động phục vụ: 31 người

#### ***Về trình độ:***

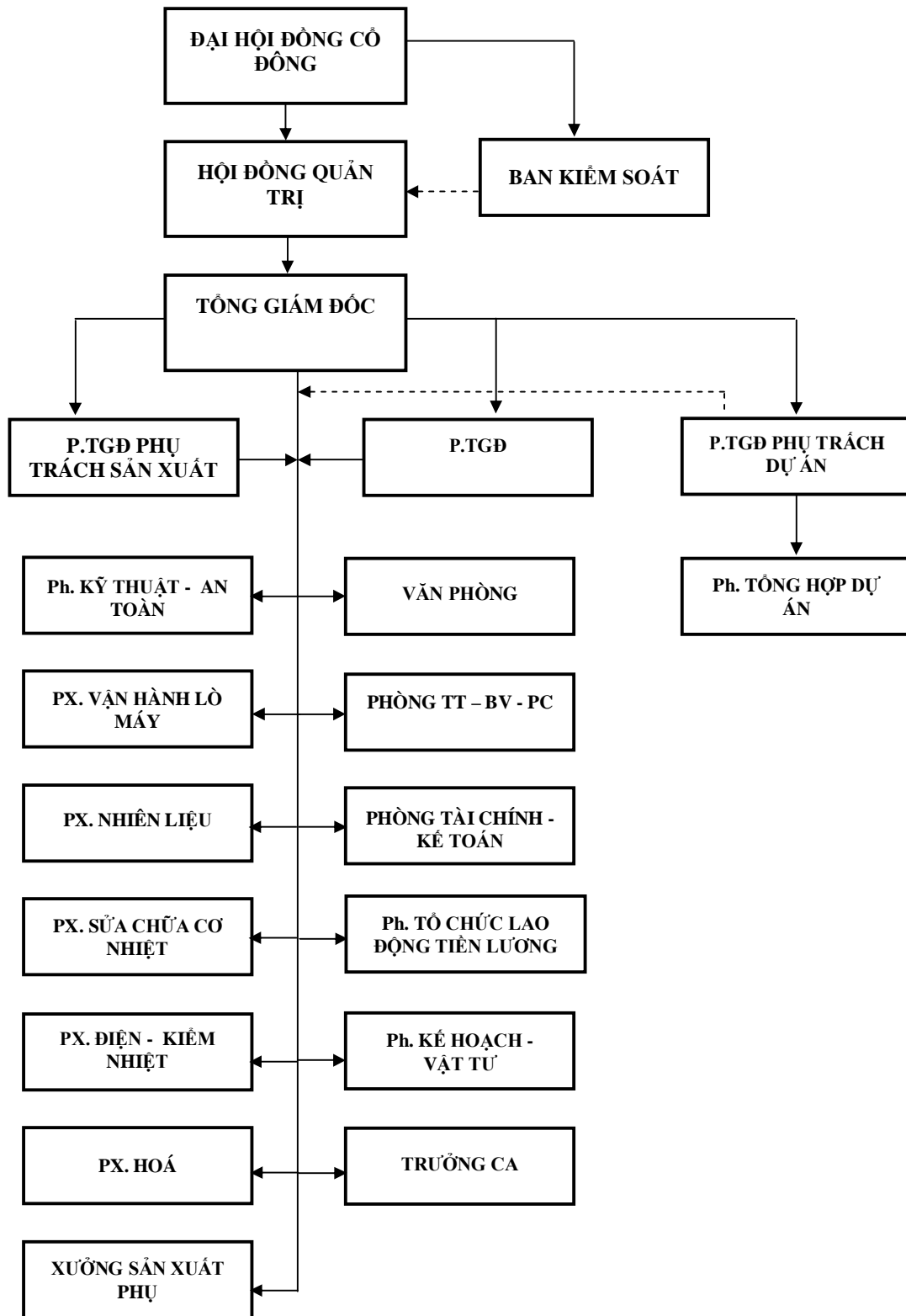
Đại học và sau đại học: 163 người

Cao đẳng và Trung cấp: 119 người

Công nhân kỹ thuật: 487 người

Lao động phổ thông: 127 người

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH



## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

<b>1</b>	<b>Ông Phạm Ngọc Hoà</b>	Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	13/10/1955
❖	Nơi sinh	Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Đông thành - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0913.292.856
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hệ thống điện
❖	Quá trình công tác:	
	2/1979 - 6/1979	Phòng quy hoạch, Viện quy hoạch và thiết kế điện, Bộ Điện và Than
	6/1979 - 10/1979	Đào tạo chuyên ngành sỹ quan tại Trường sỹ quan Phòng không - Không quân
	11/1979 - 12/1979	Bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật tại Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không
	1/1980- 12/1980	Trợ lý kỹ thuật Trung đoàn 295 Bộ tư lệnh binh chủng ra đa, Quân chủng Phòng không
	1/1981 - 7/1987	Trung uý (1981), thượng uý (1983), Đại uý (1985); Trợ lý, phó Trưởng ban, Trưởng ban Nguồn điện phòng Kỹ thuật, Bộ tư lệnh binh chủng ra đa, Quân chủng Phòng không
	7/1987 - 11/1995	Trưởng ca vận hành, Nhà máy điện Ninh Bình
	11/1995 - 9/2000	Phó Phòng Kỹ thuật Nhà máy điện Ninh Bình
	10/2000 - 12/2007	Phó Giám đốc Công ty nhiệt điện Ninh Bình
	01/1/2008 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần nắm giữ:	
	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	12.600 CP
	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	2.248.770 CP, chiếm 17,38%
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>2</b>	<b>Ông Đỗ Hoàn Khôi</b>	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	07/11/1955
❖	Nơi sinh	Dương Liễu - Hoài Đức - Hà Tây

❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Nam Bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0913.292.584
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
❖	Quá trình công tác:	
	01/1979 - 03/1988	Kỹ sư Phòng kỹ thuật, Nhà máy điện Ninh Bình
	4/1988 - 05/1999	Phó Quản đốc Phân xưởng lò, Nhà máy điện Ninh Bình
	06/1999 - 07/2002	Quản đốc Phân xưởng lò, Nhà máy điện Ninh Bình
	08/2002 - 12/2007	Phó Giám đốc, Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
	01/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.000 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>3</b>	<b>Ông Dương Thuỷ Đức</b>	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình , phụ trách Dự án
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	15/3/1959
❖	Nơi sinh	Tam thanh - Vụ Bản - Nam Định
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Nam Bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0912.617.386
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế năng lượng
❖	Quá trình công tác:	
	04/1982 - 08/1992	Cán bộ Phòng Kế hoạch, Nhà máy điện Ninh Bình
	09/1992 - 03/1999	Phó Phòng Kế hoạch, Nhà máy điện Ninh Bình
	10/2004 - 09/2006	Phó Ban quản lý dự án Nhiệt điện Ninh Bình 2
	10/2006 - 12/2007	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
	01/01/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	6.300 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không



- Trong năm 2010 có sự thay đổi bổ sung của Ban Tổng Giám đốc. Xuất phát từ tình hình thực tế của công tác điều hành SXKD và chuẩn bị nhân sự lâu dài, theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã triển khai các thủ tục theo quy trình và tiến hành bổ nhiệm thêm một Phó Tổng Giám đốc từ 1/5/2010, sơ lược lý lịch như sau:

<b>4</b>	<b>Ông Tống Đức Chính</b>	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	01/01/1962
❖	Nơi sinh	Ninh Giang - Hoa Lư - Ninh Bình
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Đông Thành - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0302.210.562
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
❖	Quá trình công tác:	
	6/1984 - 10/1989	Kỹ thuật viên Phân xưởng Nhiên liệu, Nhà máy điện Ninh Bình
	11/1989 - 9/2004	Phó Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu, Nhà máy điện Ninh Bình
	10/2004 - 4/2010	Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	5/2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	12.100 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

### **3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

- Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty (tính đến thời điểm 31/12/2010) là: 896 người.

- Các chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo

Tuyển dụng thêm lao động kỹ thuật để bổ sung vào các vị trí công việc của những lao động đến tuổi nghỉ chế độ. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật. Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khoá đào tạo chuyên đề nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và nắm bắt những tiến bộ về công nghệ để áp dụng vào sản xuất tại Công ty.

+ Chính sách tiền lương

Thực hiện việc trả lương cho người lao động theo hai hình thức :

Lương thời gian áp dụng cho người lao động khối nghiệp vụ và lao động thuộc dây chuyền sản xuất khép kín, trên cơ sở chức danh nghề nghiệp đảm nhận.

Lương khoán áp dụng cho người lao động thực hiện các khối lượng công việc trong sửa chữa, đại tu, gia công cơ khí và sản phẩm phụ.

Công ty ban hành và áp dụng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo dân chủ, công bằng, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

+ Các chính sách khác

Duy trì và thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp cho người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội, 100% lao động được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

Các quỹ khen thưởng và phúc lợi thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Công ty và được báo cáo hàng năm trước Đại hội cổ đông của Công ty.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Duy trì chế độ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều dưỡng và tham quan du lịch cho người lao động. Người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật Lao động ...

## **VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

- Thành phần Hội đồng quản trị gồm có 05 người (01 chủ tịch và 4 uỷ viên) :

Ông Trần Kế Tân	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Hoà	Uỷ viên
Ông Nguyễn Quang Việt	Uỷ viên
Ông Đỗ Hoàn Khôi	Uỷ viên
Ông Nguyễn Thọ Tiệm	Uỷ viên

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền được quy định rõ tại điều lệ của Công ty. HĐQT có trách nhiệm hoàn thành tốt trách nhiệm theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Tất cả các thành viên trong HĐQT không có quan hệ giao dịch kinh doanh liên quan đến Công ty.

- Thành phần Ban Kiểm soát gồm có 3 người:

Bà Lương Thị Nguyệt	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Cao Anh Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, BKS thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty,

chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban.

- Thù lao của thành viên HĐQT và những người điều hành chủ chốt của Công ty năm 2010:

- + Lương của chủ tịch HĐQT : 26.800.000 đồng/ tháng
- + Lương của Tổng Giám đốc : 18.200.000 đồng/tháng
- + Thù lao của thành viên HĐQT : 4.100.000 đồng/người/ tháng
- + Thù lao của thành viên BKS
  - Trưởng Ban: 3.100.000 đồng/tháng
  - Ủy viên: 2.400.000 đồng/người/tháng

- Các giao dịch có liên quan: Không có.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Không có.

- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 01/4/2011:

(Số liệu do Trung tâm lưu ký cung cấp)

Tên	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>I- Trong nước</b>	<b>1.418</b>	<b>12.818.500</b>	<b>99,63</b>	
1- Cá nhân	1.401	4.013.437	31,19	
<i>Trong đó, người lao động trong Công ty</i>	<i>199</i>	<i>400.100</i>	<i>0,31</i>	
2- Tổ chức	17	8.805.063	68,44	
<b>II- Nước ngoài</b>	<b>18</b>	<b>47.700</b>	<b>0,37</b>	
1- Cá nhân	16	36.700	0,29	
2- Tổ chức	2	11.000	0,08	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.436</b>	<b>12.865.500</b>	<b>100</b>	

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch  
Trần Kế Tấn**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT CTy;
- Lưu VP, Tổ Công bố TT.

(Đã ký)